

CHÚ THÍCH VỀ CÁC BỨC THƯ

Bức thứ 1

Đây chắc chắn là bức thư quan trọng nhất mà người ta đã từng nhận được từ các huấn sư cao đồ, vì nó là một thông tri của Đức Văn Minh Đại Đế (đối với Tuệ giác của ngài thì tương lai rộng mở như trang sách bỏ ngõ – Thư của Chơn sư K. H. trong bức thư 16). Đức Văn Minh Đại Đế là một trong ba bậc trưởng thượng tạo thành tam giác của Quần Tiên Hội. Theo chú thích của Chơn sư K. H. thì thông tri này không phải là một bức thư do chính Đức Văn Minh Đại Đế viết ra mà là lời tường thuật của một cuộc phỏng vấn. Để hiểu được trọn vẹn ý nghĩa của nó, ta phải xem xét tình hình của Hội Thông Thiên Học năm 1881. Việc liên lạc qua những bức thư được phóng hiện đã bắt đầu đến với ông A. P. Sinnett vào tháng 10 năm 1881 ở Allahabad; nhân vật chính kế tiếp trong nhóm Allahabad là ông A. O. Hume, vốn đã nhập Hội vào năm 1881. Ông Sinnett là Tổng Biên Tập của tờ báo *Tiên Phong*, tờ nhật báo bằng tiếng Anh hầu như là phát ngôn viên của chính phủ Anh. Ông Hume là một viên chức cao cấp phục vụ cho chính phủ Anh.

Cả hai người Anh này đều tiếp xúc mật thiết với những ý tưởng khoa học lúc bấy giờ đang thịnh hành ở nước Anh. Chẳng người nào có lòng mộ đạo và có xu hướng về thần bí. Cả hai đều là ‘người Anh mẫu mực’, ngấm ngấm thiếu thiện cảm đối với người Aryans nước da sậm màu hơn mà số phận của họ nhất thời bị gắn liền với những người đó. Ông Sinnett hành diện về chủng tộc của mình, còn ông Hume hành diện một cách ngạo mạn vì cứ tưởng rằng mình là một trí thức cao cấp. Ông Sinnett chẳng có một chút ý niệm gì về siêu hình học hoặc triết học; đầu óc ông hoàn toàn khách quan và đam mê mọi sự thực nghiệm khoa học; ông Hume là một nhà điều loại học và có thú tiêu khiển là sưu tập bộ da của những con chim hiếm có; ông cũng có chút ít hiểu biết về siêu hình học. Cả hai người Anh này đều bị thu hút về Thông Thiên Học, nhưng đặc điểm của ông Sinnett là càng ngày càng gắn bó với Chơn sư K. H., người mà ông hiện nay gọi là vị ‘Thầy Bảo trợ’ của mình – đây hiển nhiên là một sự gắn bó bắt nguồn từ những kiếp trước. Nhưng hiện nay chẳng ông nào biết được các Chơn sư là ai hoặc địa vị như thế nào, bản thân các Chơn sư cũng không tiết lộ hết bản chất và quyền năng của mình, mà chỉ đóng vai trò các huấn sư về triết học, đôi khi có thể hiển lộ một số ‘hiện tượng phép lạ’. Một số những hiện tượng này đã được tường thuật trong tác phẩm *Thế giới Huyền bí* của ông Sinnett.

Nhưng trên hết cả, điều đặc trưng của hai người Anh này (chẳng người nào đã thành tựu được trình độ khoa học hoặc triết học cao nhất) là niềm tin chắc sâu xa rằng họ biết về thế giới phương Tây hơn hẳn các Chơn sư. Khi các Chơn sư tuyên bố ý nghĩa thực của việc các ngài thử ra sức ảnh hưởng tới thế giới qua Hội Thông Thiên Học – nghĩa là uốn nắn thế giới hướng về một tình huynh đệ lớn hơn và chân thực hơn mức các tôn giáo đạt được cho đến nay, thì cả hai đều cho Chơn sư biết rõ ràng, đối với phong trào Thông Thiên Học ở phương Tây thì đi theo đường lối đó tuyệt nhiên chẳng có triển vọng gì cả. Cách thức duy nhất để thuyết phục đầu óc ưa suy tư của người phương Tây khiến cho họ tin rằng ý tưởng của các Chơn sư đáng được xem xét, là *trước hết* phải triển khai một vài hiện tượng phép lạ trong những ‘điều kiện khảo sát trắc nghiệm’ hoàn chỉnh. Lúc bấy giờ các nhà khoa học Âu Tây thuộc cỡ như Huxley, Tyndall, Darwin và những người khác mới sẵn lòng xem xét luận đề của Thông Thiên Học về sự sống và sự tiến hóa. Còn về phần Mục tiêu thứ nhất của Hội, là thiết lập một tình huynh đệ đại đồng, thì ông Sinnett và ông Hume đều nói rằng Ki Tô giáo đã thử ra sức rao giảng tình huynh đệ trong 1880 năm nay mà có thành công đâu; tại sao lại phí phạm năng lực của các hội viên Hội Thông Thiên Học, muốn phụng sự các Chơn sư theo cái đường lối chẳng có hi vọng gì này? Cách duy nhất hữu hiệu để thuyết phục người phương Tây rằng các Chơn sư có một điều gì đó để dạy họ là chẳng hạn như hiển lộ một hiện tượng phép lạ mang tờ *Thời Báo* Luân đôn được phát hành vào một ngày tháng đặc biệt nào đó tới

Simla cùng ngày ấy, nếu dùng tàu thủy hoặc xe lửa thì thường cuộc hành trình này phải mất 21 ngày.

Ông Sinnett và ông Hume cứ lái nhài mãi về luận đề này. Mặc dù đã nhận được mọi điều giáo huấn mà mãi cho tới cuối cuộc đời ông Sinnett vẫn không bao giờ thay đổi quan điểm, vì nhiều năm dài sau khi đã ngưng mọi liên lạc với Chơn sư K. H. ông vẫn còn viết rằng:

Công việc thực sự của một nhà Thông Thiên Học là xúc tiến sự tiến bộ về tinh thần. Đây là một nhiệm vụ còn cao cả hơn việc xúc tiến Tinh Huynh Đệ - xét cho cùng, tinh huynh đệ chỉ là giáo huấn sơ cấp của cả Thông Thiên Học lẫn Ki Tô Giáo.

Ông Sinnett và ông Hume cứ khẳng khẳng cho rằng họ biết thế giới (nghĩa là nước Anh) nhiều hơn các Chơn sư và tiếp tục thử ra sức chỉ cho các Chơn sư biết các ngài nên làm gì nếu muốn phong trào Thông Thiên Học được thành công. Việc họ cứ khẳng khẳng lái nhài như vậy gây mỗi mết đến nỗi mà có một dịp Chơn sư M. đã viết thư cho ông Sinnett như sau:

Một ít ngày trước khi rời chúng ta, khi nhận định về con; Chơn sư Koot Hoomi có bảo ta như sau: “Tôi cảm thấy mệt mỏi về những điều tranh cãi chẳng bao giờ dứt này. Tôi càng thử ra sức giải thích cho cả hai người đó những hoàn cảnh kiểm soát chúng ta và đặt giữa chúng ta nhiều trở ngại không thể tự do liên lạc được thì họ lại càng không hiểu được tôi! Trong những tình huống thuận lợi nhất thì việc liên lạc thư tín này vẫn luôn luôn là không thỏa đáng, thậm chí đôi khi còn làm điên tiết; vì không một điều gì ngoại trừ những cuộc phỏng vấn cá nhân (trong đó có thể thảo luận và giải quyết ngay những khó khăn về mặt trí thức khi chúng lộ ra) thỏa mãn trọn vẹn được họ. Điều này giống như thể chúng ta đang kêu ơi ới nhau qua một khe suối không thể băng ngang qua được và chỉ một trong hai người thấy được người đối thoại với mình. Thực ra trong thiên nhiên vật lý, không ở đâu có một vực thẳm băng qua núi mà người ta không thể băng qua một cách tuyệt vọng và gây cản trở cho du khách nhiều hơn là cái vực thẳm tâm linh khiến cho họ không bắt kịp được tôi! (*Thư của Chơn sư gửi cho A. P. Sinnett, Bức thư 29*).

Một ví dụ rất đặc trưng cho thái độ ngay cả ông Sinnett đối với các Chơn sư, đó là một bức thư mà ông viết cho Chơn sư nói về chính Bức thư 29 này, với nội dung là Chơn sư nên viết lại Bức thư 29, bỏ đi một vài đoạn trong đó, vì bức thư được viết như vậy tuyệt nhiên không có ảnh hưởng gì tới ông Hume như Chơn sư mong muốn.

Chỉ khi được phép của Đức Văn Minh Đại Đế thì việc liên lạc với ông Sinnett và ông Hume qua thư từ và các hiện tượng phép lạ mới bắt đầu và vì không có ai rong hai ông này dường như biết nghe lẽ phải, cho nên cuối cùng Chơn sư K. H. phải tiếp cận với Đức Văn Minh Đại Đế. Do đó chúng ta mới có thông tri này mà tôi đề tựa là Bức thư 1, vì nó hầu như là bản điều lệ cho công việc và sự phát triển của Hội Thông Thiên Học trải qua các thời đại.

Một trong những yếu tố kỳ lạ nhất ở thời kỳ này là nguyên bản bức thư của Chơn sư K. H. gửi cho ông Sinnett ghi lại những lời nhận xét của Đức Văn Minh Đại Đế, không được tìm thấy ở bất cứ nơi đâu. Nó không được công bố trong quyển ‘*Các bức thư của Chơn sư gửi cho A. P. Sinnett*’. Nhưng may mắn thay, chúng tôi đã có được những bản sao, do giáo huấn của hai Chơn sư, bao gồm một phần những thư tín liên lạc của các ngài với ông Sinnett và ông Hume có tính chất giáo huấn và cung cấp cho ta một ý niệm về triết học bí truyền. Bức thư đầu tiên này được sao chép lại và in ronéo ở Luân đôn, rồi được gửi tới cho một vài người được tuyển lựa. Trong kho tài liệu của C. W. Leadbeater có một bản sao như thế và tôi đã công bố bức thư này theo bản sao đó trong ấn bản năm 1919. Năm nay (1945) khi vẫn khó của chúng ta (vốn đã được di tản ra khỏi Madras do chiến tranh) đã được trả lại về Adyar, thì tôi thấy một quyển viết tay có chữ viết của cô Francesca Arundale; ngoài những đoạn trích các bức thư khác, quyển viết tay này còn có Bức thư 1. Tôi đã chép lại bức thư từ hai tài liệu viết tay này.

H. P. B. dĩ nhiên là có biết bức thư này và hiển nhiên là có một bản sao vì bà thỉnh thoảng lại trích dẫn những đoạn trích từ trong đó (tôi giả sử rằng có những điều thay đổi chút ít để công bố cho đại chúng) với chú thích như sau:

Nhưng có một bức thư khác, cũng được viết vào năm 1880^[1], chẳng những trực tiếp trách cứ các hội viên Thông Thiên Học lơ là ý tưởng chính là Tinh Huynh Đệ mà còn trả lời đoán trước lập luận chính của ông Émile Burnouf. Sau đây là một ít đoạn trích từ đó. Nó được ngỏ lời với những kẻ tìm cách hủy bỏ tước hiệu tình cảm và biến hội thành một diễn trường cho việc “chồng lên những cái ly và việc rung chuông trong cõi vô hình”. (Tập chí *Lucifer*, quyển II số ra tháng 8 năm 1888 trang 431, 432).

Trong phát biểu đầu tiên năm 1888, đối với các sinh viên của Trường Bí Giáo mới thành lập, H. P. B. cũng có trích dẫn bức thư này.

Trong Bức thư 33, Chơn sư có đề cập tới bức thư này khi ngài nói:

Những Đấng còn cao cả hơn chúng ta đã bảo rằng kẻ nào nghĩ rằng nhiệm vụ làm việc vì người khác là quá khó khăn thì tốt hơn không nên đảm đương nhiệm vụ này.

Trong số ra tháng 2 năm 1893 của Tạp chí *Thánh Đạo* do ông W. Q. Judge biên tập ở New York có trích dẫn ba đoạn trong bức thư này, cũng như các Bức thư 32 và 33 của tác phẩm này. Bài viết trong tờ *Thánh Đạo* (trong đó có trích dẫn ba đoạn Bức thư 1 của Đức Văn Minh Đại Đế) được ký tên là ‘một trong những người Nhận thư’. Tôi chỉ có thể giả sử rằng ông Judge không biết rằng người nhận thư là ông Sinnett vì những lời mà Chơn sư nói với ông Sinnett. ‘Bức thư của chính ta trả lời cho thư của con chẳng bao lâu nữa sẽ nói tiếp tới. Chơn sư K. H.’, không có trong bản sao in ronéo mà tôi giả sử là ông Judge có được bản sao đó.

Tháng 9 năm 1907, trong bài diễn văn đầu tiên nhậm chức Hội trưởng Hội Thông Thiên Học, Tiến sĩ Besant có đề cập tới một phần bức thư này mà Tạp chí *Thánh Đạo* đã trích dẫn như nêu trên.

Trong bức thư mà Tiến sĩ Besant nhận được năm 1900 (Bức thư 46), Chơn sư khi đề cập tới Bức thư 1 có nói rằng:

Hội Thông Thiên Học có số phận là nền tảng của các tôn giáo tương lai của loài người.

Ông Sinnett làm việc cho Thông Thiên Học mãi đến cuối cuộc đời, qua nhiều sách vở và việc thường xuyên diễn thuyết; ông đã hai lần là Phó Hội trưởng của Hội. Nhưng ông có lập trường xuyên suốt rằng cả hai vị Hội trưởng là H. S. Olcott và A. Besant đều lãnh đạo công việc của các hội viên Thông Thiên Học theo những mục đích sai lầm, và ông chỉ trích hoạt động của hai vị Hội trưởng. Ông Hume rời Hội Thông Thiên Học năm 1884. Tuy nhiên việc khơi dậy bản chất tốt đẹp nhất của ông do ảnh hưởng của các Chơn sư có tác dụng mạnh mẽ đến nỗi mà ông đã hoàn thành được một trong những mục tiêu lớn mà các Chơn sư đề ra – làm cho nước Ấn độ thức tỉnh với địa vị âm thầm chấp nhận sự nô lệ cho việc cai trị của nước Anh. Chính ông Hume sau khi về hưu, không làm việc cho chính phủ Anh nữa, là người tiên phong đề xuất và gây cảm hứng cho việc tạo ra Nghị hội Quốc gia Ấn độ hiện nay rất nổi tiếng vì thế ông đã nổi danh là Cha đẻ của Nghị hội Ấn độ.

^[1] H. P. B. quên không chú thích rằng Bức thư nói trong câu vừa nêu chỉ có 1881 năm về trước.

CHÚ THÍCH BỔ SUNG VỀ BỨC THƯ 1 CỦA ĐỨC VĂN MINH ĐẠI ĐẾ.

Mới đây, người ta có phát hiện là bức thư của Đức Văn Minh Đại Đế có trong một quyển giấy nháp của H. P. B., quyển số XXIII, phần II (trang 469), được cắt ra từ *Tạp chí Tôn giáo Triết học* Mỹ số ngày 26 tháng 6 năm 1886, trong một bức thư gửi tới Ban Biên Tập với tựa đề như sau:

Nhiều Lý Do Tốt Đẹp

Do Đức Văn Minh Đại Đế ban cho “R. H” nêu lý do tại sao Hội Thông Thiên Học nên là một Hội đoàn tình Huynh đệ trong nhân loại.

Ở cuối bức thư có chú thích sau đây:

Trên đây là một phiên bản tóm tắt quan điểm của Đức Văn Minh Đại Đế do chính ngài nói ra bản về Hội Thông Thiên Học, được trình bày tối qua, thông qua một đệ tử đáng tin cậy và giờ đây được công bố vì ích lợi của những người có liên quan tới nó.

Trong đoạn cuối cùng, mà ông C. Jinarājadāsa ghi ngày tháng là năm 1880 (1881) thì bài báo cắt ra rõ rệt ghi ngày tháng là 1886. Hai phiên bản này hầu như y hệt nhau ngoại trừ một vài sự khác nhau nhỏ về dấu chấm câu và một vài từ, nhưng tờ báo của Mỹ bỏ qua những đoạn đề cập tới ‘những nhà truyền giáo Ki Tô giáo’, đề cập tới A. P. S., Hội Chiết Trung và ông Hume, và đề cập tới Ấn độ.

Adyar 1963. Xuất bản.

Bức Thư 2

Nhận được ở Adyar ngày 26 tháng 12 năm 1883 và được mở ra trước sự hiện diện – ngoài những người khác ra – của ngài Tiên sĩ S. Subramania Iyer, được mô tả trong *Tạp chí Nhà Thông Thiên Học*, quyển V, Phụ lục số 2, số ra tháng 2 năm 1884, trang 31. Được chép lại từ một bản sao mà học giả Bắc phạn Pran Nath ở Gwalior có được.

Bức Thư 3

Nhận được ở Luân đôn năm 1884. Được sao lại từ nguyên bản ở Adyar. Viết bằng mực đỏ.

Bức Thư 4

Nhận được năm 1884 ở Elberfeld, nước Đức. Được gửi cho cô Francesca Arundale, thủ quỹ của Chi bộ Luân đôn. Được chép từ nguyên bản ở Adyar.

‘Về Tạp chí’: Cô F. Arundale có bảo tôi rằng cô nhớ kỹ có việc hoạch định tờ tạp chí, nhưng không chắc có số báo nào đã được thực sự ấn hành chưa.

‘L. C. H. đã làm theo chiều hướng này trong hai tháng vừa qua nhiều hơn mức những người hội viên tốt nhất của chúng ta làm được trong 5 năm vừa qua.’

L. C. H. là bà Laura C. Holloway, sau khi kết hôn lần thứ hai bà trở thành bà Laura C. Langford.

Bức Thư 5

Đây là một trong những tài liệu nổi bật nhất mà giờ đây có được ở Adyar. Nó bao gồm một lời thệ nguyện với các Chơn sư do cô Arundale viết ra, và được ký tên bởi tất cả những người nào hợp thành Nhóm Nội Môn của Chi bộ Luân đôn. Cả Chơn sư M. và Chơn sư K. H. lẫn H. P. B. đều có viết trên tài liệu này. Phần viết tay của cô Arundale được in bằng chữ nhỏ, phần viết tay của H. P. B. được in bằng chữ lớn, còn phần viết tay của các Chơn sư in bằng

chữ viết hoa. Người ta sẽ lưu ý thấy rằng trong đoạn thứ hai Chon su đã viết thêm bằng mực xanh một câu trong ngoặc đơn cũng như sau phần mà H. P. B. viết thêm. Ở cuối phần thệ nguyện bằng chữ viết tay của cô Arundale và trước phần bắt đầu có chữ ký của các thành viên của nhóm, có 4 dòng bỏ trống trong tài liệu; ở những dòng bỏ trống này hai Chon su đã viết lên lời chấp nhận sự thệ nguyện; vì vậy nhóm từ ‘những người ký tên dưới đây’ nhằm chỉ chữ ký của nhóm người gồm những người tầm đạo thệ nguyện phụng sự các Chon su. Viết *ngang qua* lời phát biểu của Chon su K. H. là một từ duy nhất ‘Đã phê chuẩn’ mà Chon su M. viết tay bằng mực đỏ, tiếp theo là chữ viết tắt đầu tiên tên ngài. Nhóm nội môn này vốn bị sụp đổ chỉ nội trong 1 năm, là toan tính đầu tiên nhằm tạo ra điều sau này trở thành Trường Bí Giáo của Thông Thiên Học.

Bức Thư 6

Do học giả Pran Nath ở Gwalior nhận được vào tháng giêng năm 1884. Được chép lại từ nguyên bản.

Bức Thư 7

Được chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Bức thư này và bức thư sau do C. W. Leadbeater nhận được, Bức thư 7 nhận được vào giữa trưa ngày 31 tháng 10 năm 1884, còn Bức thư 8 nhận được vào nửa đêm cùng ngày. Bức thư 7 nhận được qua đường bưu điện, có đóng dấu bưu điện Luân đôn ‘Kinsington, 30 tháng 10 năm 1884’, Bức thư 8 được phóng hiện lên bàn tay ngửa ra của H. P. B. với sự có mặt của C. W. L. Tôi đã mô phỏng lại Bức thư 7 và 8 trong quyển sách của mình với tựa đề *Các bức thư của Chon su K. H. gửi cho C. W. Leadbeater*.

Vào lúc đó, C. W. L. đang khảo cứu ráo riết về Thần linh học và có tham dự nhiều buổi lên đồng của William Eglinton, một trong những vong dẫn đường cho người đồng cốt này tên là ‘Ernest’. Ernest quả quyết với C. W. L. rằng mình có biết sự tồn tại của các Chon su và ngờ ý sẵn sàng chuyển giúp một bức thư cho Chon su K. H. Bức thư được viết ra và chuyển đi mà ông Eglinton bỏ trong cái hộp dùng để liên lạc với những vong dẫn đạo. Ông Eglinton báo cho C. W. L. biết rằng chỉ vài ngày sau bức thư đã biến mất khỏi cái hộp. Trong những buổi lên đồng sau đó, khi được hỏi là việc gì xảy ra đối với bức thư, Ernest đoán chắc với C. W. L. rằng bức thư đã được chuyển giao đến nơi đến chốn.

Upasika là tên thường dùng cho H. P. B. trong các bức thư, từ này bắt nguồn ở Phật giáo trong đó nó chỉ một người nữ tu tại gia, một người đã có tới tám lời khấn nguyện; vì vậy không phải là một nữ tu xuất gia vốn có thêm hai lời khấn nguyện nữa.

‘Giai cấp mà con thuộc về’: lúc nhận được bức thư này, C. W. L. là chức sắc của Giáo hội Anh quốc; vào lúc đó, các nhà truyền giáo Ki Tô ở Madras có thử ra sức làm khổ Hội Thông Thiên Học qua điều được biết là ‘âm mưu Coulomb’.

‘Kỷ niệm về Đức Thế Tôn Như Lai’: Đây là một câu đáng chú ý nhất mà người ta chỉ hiểu được nhiều năm sau khi đã nhận được bức thư. Nó ám chỉ những diễn biến trong các kiếp quá khứ cách đây lâu rồi, khi C. W. L. đã diện kiến bậc Đại Từ Phụ. Điều này giống như thể bằng cách đó, Chon su đã thử ra sức vượt qua phạm ngã của C. W. L. để trực tiếp với Chon ngã mà trong tâm thức của nó những sự thật vĩ đại này tồn tại như là những vấn đề tri thức trực tiếp.

Nhiều câu trong bức thư này và nhất là câu ‘Kỷ niệm về Đức Thế Tôn Như Lai sẽ giúp con quyết định điều tốt nhất’ xuất hiện trong một bức thư do Chon su M. viết (ngài không biết tiếng Anh) gửi cho S. Ramaswamier vào năm 1883 (*Xem Thư của các Chon su Minh triết*, tập II, Bức thư 51).

Bức Thư 8

Được chép từ nguyên văn ở Adyar. Khi nhận được Bức thư 7, C. W. L. (vốn đang sống ở Liphook, Hampshire) đi ngay tới Luân đôn để gặp H. P. B. và ngỏ ý với bà rằng ông quyết định đi tới Adyar ngay lập tức. Vào nửa đêm cùng ngày, ông nhận được bức thư này. Trong ấn bản lần thứ 1 và thứ 2 của tác phẩm này tôi đã bỏ sót phần tái bút ‘Đừng cho bất kỳ ai thấy những thông điệp của ta’ vì A. P. Sinnett lúc bấy giờ vẫn còn sống, có ý cho rằng ngoại trừ cô Arundale ra thì ông là người Anh duy nhất đã từng nhận được thư. Vào cuối năm 1884, ông đã tạo ra một tình huống giữa chính ông và Chon su (mặc dù ông không bao giờ nhận ra điều đó) khiến cho Chon su không thể gửi thêm những thông điệp liên lạc nữa. Giữa ông Sinnett và ông Leadbeater có những mối quan hệ thân thiết và ông Leadbeater đã xác nhận rằng ông chịu ơn ông Sinnett rất nhiều vào lúc mới bắt đầu nghiên cứu Thông Thiên Học. Ông Sinnett rất có thể nghi ngờ tính chân thực của bất kỳ bức thư nào do những người khác hơn ông nhận được (Xem tái bút của Bức thư 19: ‘Tuy nhiên con hãy chuẩn bị khi một vài chi bộ chối bỏ tính xác thực của bức thư này’). Bằng chứng về mối nghi ngờ này có trong một bức thư giờ đây ở tại Adyar, mà lúc đó ông Sinnett viết cho ông Leadbeater, trong đó ông nghi ngờ không biết bức thư của Chon su K. H. gửi cho Đại tá Olcott có đúng thật không hay đó chỉ là sự phóng hiện của một đệ tử nào đó). Ông Sinnett chắc chắn là phải bị xúc động mạnh, nếu ông biết rằng người được ông bảo lãnh và chỉ mới gia nhập Hội chưa đầy 2 năm đã nhận được thông điệp liên lạc trực tiếp của Chon su. Mãi cho đến cuối đời mình, ông Sinnett vẫn tin rằng ông liên lạc được với Chon su trước hết là qua một vài người đàn bà nhạy cảm mà ông có thể khiến cho xuất thân bằng những thủ pháp thôi miên hoặc là liên lạc với Chon su qua một người đồng cốt thông linh chính qui có thể xác bị chiếm bởi cái gọi là các Chon su. Ông Sinnett đoán chắc với tôi rằng, sự chiếm xác đó là đúng thật và có một thực thể là Chon su M. Ông không bao giờ nghi ngờ những thông điệp liên lạc này.

C. W. Leadbeater không bao giờ cho ai xem Bức thư 7 và 8, ngoại trừ cho chính tôi, mặc dù tôi chỉ thấy những cái phong bì và không dám bóc ra đọc. Năm 1907, ở Taormina, tôi đã sao chép lại chúng và lần đầu tiên công bố chúng trên *Tạp chí Nhà Thông Thiên Học*.

Bức Thư 9

Được in lại từ tờ “*Mối Liên Kết*” số ra tháng 11 năm 1908. Theo ngữ cảnh, ngày tháng của bức thư này rõ ràng là cuối năm 1883. ‘Tái bút’ này là phần đầu tiên của Bức thư 6 và như vậy Chon su đã dùng làm Tái bút ở đây điều mà ngài đã nói để trả lời cho câu hỏi của học giả Pran Nath.

Bức Thư 10

Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar.

Bức Thư 11

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar.

Bức Thư 12

Ta thấy bức thư này trong bài ‘Đư âm của Quá khứ’ đăng trên tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 12 năm 1907 trang 259, nó được in lại từ tờ *Chiếc Gương Ấn Độ* ở Calcutta, số ra ngày 14 tháng 4 năm 1882.

Bức Thư 13

Bức thư này có nhắc tới H. P. B. Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar.

Bức Thư 14

Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar. Lúc đó, ông Sinnett là Tổng Biên Tập của tờ nhật báo chống Ấn Độ đầy thế lực của Anh, tờ *Tiền Phong* ở Allahabad. Khi ông Sinnett chấp nhận Thông Thiên Học, thì tờ báo bèn đổi giọng, vốn không phải là thị hiếu của những người chủ tờ báo. Chơn sư K. H. muốn rằng một tờ nhật báo tên là *Phượng Hoàng* phải được ra đời bằng vốn của Ấn Độ với ông Sinnett là Tổng Biên Tập. Tuy nhiên người ta không quyn góp đủ vốn.

Norendro Nath Sen là người sáng lập và Tổng biên tập của báo *Chiếc Gương Ấn Độ* ở Calcutta.

Bức Thư 15

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Bức thư duy nhất mà đến nay tôi thấy Chơn sư ký trọn tên mình, khiến cho lời cảnh cáo của ngài có ý nghĩa đặc biệt. Người nhận được cuối cùng đã nghi ngờ và bỏ cuộc.

Đó là một nguy cơ mà Chơn sư M. đã tiên đoán được. Xem Bức thư 3: ‘tên tuổi y sẽ được ghi vào sổ sách như là một thất bại. Có một nguy cơ dành cho y. Thầy của y đã nhận thấy điều này và do dự’. Tôi gặp Mohini M. Chatterjee lần đầu tiên vào năm trước khi ông mất. Ông đã trở về với nghề luật sư. Khi tôi gặp ông ở văn phòng luật sư thì ông đã bị mù. Nghe nói vào cuối cuộc đời ông đã tụ tập một số đệ tử để được ông dạy dỗ. Tôi không thể truy nguyên ra câu ngạn ngữ nói về việc nghi ngờ một con công.

Bức Thư 16

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Nguyên bản có dán một tấm thiệp trên đó có chữ viết tay của Đại tá Olcott nội dung như sau: ‘Thư gửi cho H. S. O. mà Chơn sư K. H. *tao ra ngay trên bàn tay của y* trong đêm ngài ghé thăm y tại căn lều trại ở Maidan bên ngoài Lahore’ (Xem *Hồi Ký Đại tá Olcott*, quyển III, trang 39-40).

Đoạn dài trong bức thư bắt đầu bằng ‘từ khi bắt đầu’ và kết thúc bằng ‘những cái cửa có bọc sắt’ không có trong ấn bản kỳ 1. Đây là do lỗi làm của tôi. Bức thư này được viết bằng mực trên tờ giấy dùng để đánh máy và được viết *cả hai mặt*. Nó được gấp lại. Tôi mở bức thư ra và đọc mặt có chữ ký bắt đầu bằng ‘Ta đến với con’ và chấm dứt bằng ‘tất cả những người giúp cho công việc của họ. Chơn sư K. H.’ Tôi không bao giờ có ý lật qua mặt kia. Chỉ vài năm sau khi ấn bản đầu tiên xuất hiện, khi lục tìm những bức thư để kiểm một văn bản nào đó, tôi mới có dịp đọc lại bức thư này và tình cờ tôi mới lật qua mặt kia. Lúc bấy giờ tôi mới kinh ngạc nhận thấy rằng cái mà tôi tưởng là trang 1 thật ra lại là trang 2. Tôi đã công bố bản văn này ngay sau đó trên tờ *Nhà Thông Thiên Học*.

D. Nath là Dharbgeri Nath, một trong những người đệ tử có lúc đã chiếm xác của ‘Bawaji’ mà tên thật là S. Krishnamachāri. Bawaji có đi với H. P. B. sang Âu Châu vào năm 1885, nhưng cuối cùng ông lại chống bà. Ông là ‘kẻ tiểu nhân’ đã ‘bị thất bại’ trong Bức thư 37. Bức thư mà H. P. B. viết cho C. W. Leadbeater nói về sự khiếm khuyết của người cựu đệ tử này được mô phỏng lại trong quyển sách của tôi. *Thư của Chơn sư K. H. gửi cho Leadbeater*.

Trong *Hồi ký* quyển III trang 27, Đại tá Olcott có nói tới việc ‘hai kẻ thù nữa sẽ qua đời’ là lời tiên tri về cái chết của Đại đức Dayanand Saraswati, người sáng lập ra Arya Samaj, và Keshub Chandra Sen, thủ lĩnh của một phái thuộc Brahma Samaj.

Trong *Hồi ký* quyển III trang 36-37, Đại tá Olcott có mô tả lại trường hợp nhận bức thư này.

‘Bằng chứng khách quan’ nhằm nói tới việc Chơn sư M. ghé thăm Đại tá Olcott ở New York được miêu tả trong quyển *Hồi ký* quyển I trang 379-380. ‘Bằng chứng khách quan’ là

fehla tức cái khăn quấn trên đầu giờ đây có ở Adyar mà Chon sư M. để lại cho Đại tá làm bằng chứng sự ghé thăm của ngài không phải là một ‘điều Hảo huyền’ mà là sự thật.

Bức Thư 17

Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar. Có một đoạn sau đây được kèm vào đó với chữ viết tay của Đại tá Olcott viết trên tấm thiệp: ‘Thông điệp gửi H. S. O. mà Chon sư K. H. chuẩn bị y để được ngài ghé thăm bằng xương bằng thịt trong căn lều ở Lahore’. Đại tá Olcott có mô tả cuộc ghé thăm thứ nhì này trong *Hồi ký* quyển III trang 42, nó cũng được ông W. T. Brown, lúc bấy giờ có mặt cùng với Đại tá Olcott, mô tả lại trong quyển sách nhỏ của mình, *Một số kinh nghiệm ở Ấn độ*. Sứ giả được đề cập tới chính là Chon sư D. K.

Bức Thư 18

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Ở cuối thư có chữ viết tay của Đại tá Olcott ghi lại như sau: ‘Được thả xuống vào trong toa xe lửa ngày mùng 5 tháng 4 năm 1884 khi tôi đang đọc một đồng thư của L. L. Có nhiều chi tiết về cuộc cãi lộn của Kingsford với Sinnett. Bức thư này rơi xuống ngay khi tôi đang chú thích một đoạn thư của B. K. viết về các Chon sư. Hiện diện trong toa xe lửa chỉ có Mohini và chính tôi, H. S. O.’ (Xem thêm *Hồi ký* Đại tá Olcott quyển III, trang 90-91).

Bức Thư 19

Có rất ít điều nghi ngờ chẳng những xét theo ngữ cảnh mà còn theo một sự kiện do Đại tá Olcott nhắc tới theo đó bức thư này đã được tiếp nhận vào tháng 8 năm 1888. Nhưng kỳ lạ thay nếu đọc quyển *Hồi ký* quyển III trang 91 thì dường như nó đã được tiếp nhận vào năm 1883. Trong *Hồi ký* đó, Đại tá Olcott có trích dẫn bức thư này, liên kết nó với những khó khăn năm 1884 ở Chi bộ Luân đôn mà các giáo huấn đã được ban cho ông trong Bức thư 18 về những khó khăn này. Trong *Hồi ký* quyển III trang 91, Đại tá Olcott có nói rằng Bức thư 19 ‘được tiếp nhận như một phép lạ trong phòng riêng của tôi trên tàu “Shannon”, một ngày trước khi chúng tôi tới Brindisi’. Nhưng ông đã từ Bombay đáp tàu đi Luân đôn trên chiếc tàu chở thư của bưu điện tên là *Shannon* vào ngày mùng 7 tháng 8 năm 1888. Theo báo cáo trong nhật ký của ông vào ngày tháng đó và theo ‘Phụ lục’ của tờ *Nhà Thông Thiên Học*, số ra tháng 9 năm 1888, trang ciii. Hơn nữa, ngay trên bức thư Chon sư có nói rằng: ‘từ năm 1885, ta không viết thư’ và C. W. L. được đề cập đến ở cuối bức thư cũng không hề đến Ấn độ mãi cho tới tháng 12 năm 1884. Vì vậy, dường như là Đại tá Olcott khi tường thuật về những biến cố xảy ra ở Chi bộ Luân đôn đã dùng bức thư này viết về “tình hình” năm 1888 để đề cập tới tình hình năm 1884.

Có lẽ ta nên đề cập tới tình hình khẩn cấp năm 1888. Hội Thông Thiên Học được thành lập năm 1875 và trong vòng 7 năm đầu tiên cuộc đời của mình, nó đã bị thử thách về nhiều mặt. Xét theo một khía cạnh nào đó, nó đã thất bại vì nó có khuynh hướng không chịu công khai chấp nhận sự lãnh đạo trực tiếp của các ‘Huynh trưởng’ (nghĩa là các Chon sư tạo thành Chi bộ đầu tiên của Hội) đối với Hội. Đến năm 1882, đa số hội viên Thông Thiên Học, nhất là các hội viên ở Luân đôn chấp nhận triết lý huyền bí do các Chon sư đưa ra, nhưng không chịu chấp nhận sự chỉ đạo huyền bí của các Chon sư thông qua các đệ tử đang quản trị phần ngoại môn của Hội. Vì vậy vào cuối nhiệm kỳ thứ 1, năm 1882, các Chon sư đã ít nhiều rút lui vào trong hậu trường (xét về các sự vụ công truyền của Hội) và chỉ ra lệnh cho một vài cá nhân đã được tuyển chọn kỹ.

Trước khi nhiệm kỳ thứ hai sắp kết thúc vào năm 1889, H. P. B. nôn nóng muốn thực hiện một nỗ lực nữa nhằm củng cố một liên lạc huyền bí giữa Hội Thông Thiên Học với các Chon sư, vì Hội Thông Thiên Học càng ngày càng mất sinh lực. Nó không thử ra sức phát triển ý niệm về Tình Huynh Đệ và tờ Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* của Hội theo sự chỉ đạo

của Đại tá Olcott chỉ nhắm vào tôn giáo đối chiều. Sau cơn chấn động vì Hội bị Phái bộ truyền giáo Coulomb tấn công vào năm 1884, và báo cáo bất lợi của Hội Khảo cứu Tâm linh tuyên bố H. P. B. là lừa bịp và lưu manh, Đại tá Olcott sợ cho số phận của Hội nếu nó công khai có liên hệ với ý tưởng về các Chơn sư, và trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*, ông cố tình tránh mọi điều đề cập tới các ngài và mối liên hệ của các ngài với Hội (Xem Bức thư 47).

Trong khi đó ở Luân đôn từ năm 1887, một nhóm tụ tập xung quanh H. P. B. nhất là những người nam nữ dưới 35 tuổi, bao gồm hai người mang tên Keightleys, C. F. Wright, G. R. S. Mead, Laura Cooper, E. T. Sturdy, W. G. Old cùng với những người khác đều tuyên thệ với H. P. B. Hơn nữa, họ dứt khoát muốn bước trên con đường dẫn tới các Chơn sư và đăng ký làm đệ tử riêng của H. P. B. Tình hình còn phức tạp thêm nữa khi Đại tá Olcott e sợ rằng ở Âu châu, H. P. B. đang tổ chức một đối trọng với ảnh hưởng của ông Olcott trên cương vị là Hội trưởng Hội Thông Thiên Học. Và H. P. B. đang thử ra sức tạo *một đế quốc trong một đế quốc*. Nhóm thanh niên tụ tập xung quanh H. P. B. chẳng biết gì mấy về thành tích của Đại tá Olcott đã hi sinh biết bao nhiêu cho Hội Thông Thiên Học. Họ chỉ nghĩ ông là ‘một ông già’ ở Adyar chuyên kỳ đà cản mũi các kế hoạch của H. P. B. nhằm phục vụ cho chính nghĩa của các Chơn sư. Đại tá tức giận với H. P. B. và nhóm thanh niên tận tụy với bà khi ông từ Ấn độ lên đường đi chặn đứng điều mà ông coi là một sự nổi loạn. Chính lúc bấy giờ, Chơn sư K. H. vào cuộc với bức thư được phóng hiện trong phòng riêng của Đại tá Olcott trên tàu *Shannon* một ngày trước khi tàu tới Brindisi. Do kết quả của bức thư này, Đại tá Olcott đã thay đổi thái độ và ông đã hòa giải những vấn đề về việc quản trị Hội sao cho Trường Bí Giáo có thể hoạt động dưới sự chỉ đạo duy nhất của H. P. B. thôi mà không bị Hội Thông Thiên Học can thiệp vào việc nội bộ của mình, và Trường Bí Giáo cũng không can thiệp vào tổ chức dân chủ của Hội. Tuy nhiên, chỉ mãi đến năm 1908 thì Hội Thông Thiên Học mới phục hồi trọn vẹn được địa vị nguyên thủy của mình, với các Chơn sư Minh triết một lần nữa lại là Chi bộ Đầu tiên của Hội.

Tam giác có dấu chấm ở giữa nhằm nói tới Chơn sư M. Diễn biến mà bức thư đề cập tới nội dung như sau. Ở Mỹ vào lúc đó, ông D. M. Bennett là một trong những lãnh tụ nổi bật về tự do tư tưởng và là một đối thủ đáng gờm của sự ngu tín hẹp hòi bấy giờ biểu hiện thành Ki Tô Giáo ở các tiểu bang miền Đông. Ông là Tổng Biên Tập của tờ báo *Kẻ đi tìm Chân lý*. Ông bị một năm tù giam vì đã bị tố cáo là báng bổ - theo lời Đại tá Olcott - ‘vì ông đã công kích gay gắt (thường là thô lỗ) đối với chủ nghĩa giáo điều Ki Tô’, Đại tá Olcott có tường thuật lại câu chuyện này về những lời buộc tội mà người ta bịa ra chống lại ông Bennett trong *Hồi ký quyển II*, chương xxii. Ông Bennett tới Bombay vào tháng giêng năm 1882 trong chuyến du hành vòng quanh thế giới. Ông đã đọc quyển *Thế Giới Huyền Bí* và đã nộp đơn xin gia nhập Hội Thông Thiên Học. Do có những diễn biến thù địch ở Bombay mà Đại tá Olcott có tường thuật lại, Đại tá ‘ngần ngừ không muốn nhận ông làm hội viên, e rằng điều này có thể nhận chìm chúng ta vào trong một sự cãi cọ khác với công chúng’. Lúc bấy giờ Chơn sư M. can thiệp và ra lệnh cho Đại tá nhận ông Bennett làm hội viên và ngài có đưa ra một vài lý do.

Nhưng ngay cả trước khi ông Bennett tới, thì ông Sinnett đã nhận được từ Chơn sư D. K. một thông điệp của Chơn sư K. H. với nội dung như sau:

Ta cũng phải nói cho con biết rằng ở nơi một ông Bennett nào đó, người Mỹ, chẳng bao lâu nữa sẽ đến Bombay, con có thể nhận ra một người - mặc dù có khuynh hướng chủ nghĩa tình lẻ địa phương mà con rất ghét và cũng có khuynh hướng không trung thành - vốn là một trong những nhân viên của chúng ta (mặc dù ông không biết) để thi hành kế hoạch giải phóng tư tưởng Tây phương khỏi những tín điều dị đoan. Nếu con tự xét mình có thể cung cấp cho ông ta một ý tưởng chính xác về tình trạng hiện nay và tương lai tiềm tàng của tư tưởng châu Á - nhất là tư tưởng Ấn Độ -, thì con ắt làm toại nguyện được Chơn sư của ta (*Thư của các Chơn sư gửi A. P. Sinnett*, Bức thư 37, nhận được ở Allahabad tháng giêng năm 1882).

Khi ông Sinnett gặp ông Bennett, thì hiển nhiên phản ứng của ông rõ rệt là bất lợi. (Ở đây chúng ta phải nhớ rằng thái độ của ông Sinnett đối với mọi người Mỹ - ngoại trừ một ít người được tuyển lựa - là không thân thiện). Giờ đây đến lượt Chon sư M. nói tiếp về đề tài ông Bennett khi viết thư cho ông Sinnett như sau:

Con chỉ thấy ông Bennett không chịu rửa tay, để móng tay dơ dáy và ăn nói lỗ mắng, khiến cho con cảm thấy ông ta nói chung là vô vị. Nhưng nêu cái chuyện như vậy lại là tiêu chuẩn để con đánh giá về sự vượt trội đạo đức hoặc quyền năng tiềm tàng của người khác, thì có bao nhiêu cao đồ hoặc những vị lạt ma làm phép lạ sẽ được con châm là tạm được? Đây chính là một phần sự mù quáng của con. Nếu ngay giờ phút này ông ta có chết đi - và ta sẽ dùng một lời nói của Ki Tô Giáo để cho con hiểu ta được rõ hơn - thì chẳng có bao nhiêu giọt nước mắt nóng hổi sẽ tuôn ra từ đôi mắt của vị Thiên thần ghi Sổ bộ Chết sẽ tiếc thương cho những người khác cũng bị đày đọa như vậy hơn là tiếc thương Bennett phải cam chịu số phận của mình. Có ít người chịu đau khổ - và đau khổ một cách bất công - giống như ông đã phải chịu và cũng ít người có được một tâm hồn tử tế, vị tha và trung thực hơn ông. Mọi việc là như thế đấy, và ông Bennett không chịu rửa tay, *xét về mặt luân lý* còn cao hơn ông Hume thuộc dòng quý tộc, cũng giống như con cao hơn thằng bồi của mình ^[2].

Điều mà H. P. B. đã lập đi lập lại với con là đúng đắn: ‘những người dân bản địa không thấy sự lỗ mắng của Bennett và Chon sư K. H. cũng là một người dân bản xứ đấy chứ’. Ta có ý muốn nói gì nhi? Chỉ đơn giản là người bạn giống như Phật của chúng ta ^[3] *có thể nhìn xuyên qua lớp vỏ hào nhoáng* để thấy thứ gỗ ở bên dưới và nhìn vào trong con sò nhày nhớt hôi thối thấy có ‘viên ngọc trai vô giá’. B - là một người ngay thẳng, có tâm hồn thành thật, ngoài ra còn có can đảm rất nhiều về mặt đạo đức, và lại còn là một thánh tử vì đạo nữa. Chon sư K. H. yêu thương những người như thế và ngài chỉ khinh thường một kẻ như Chesterfield và Grandison. Ta giả sử rằng sự hạ cố của người quân tử hoàn toàn như K. H. đối với ông Bennett không trung thành với những thứ sọi thô cứng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên hơn sự hạ cố mà người ta gán cho ‘bậc quân tử’ Jesus đối với cô gái điếm Magdalene. Có một đánh hơi về mặt đạo đức cũng giống hết như sự đánh hơi của thể xác, anh bạn thân mến ạ! Hãy xem Chon sư K. H. đã đọc được tính tình của con như thế nào khi ngài không gửi đám thanh niên ở Lahore tới nói chuyện với con mà không thay đổi quần áo. Mùi cam ngọt ngào ở *bên trong* lớp vỏ cam, Sahib ta xin nói một lần nữa: hãy rán nhìn vào bên trong cái hộp đựng những viên ngọc quý chứ đừng tin cậy vào những gì ở trên cái nắp của nó. Người đó là một người *ngay thẳng* và rất thành khẩn; không hoàn toàn giống như một thiên thần - mà người ta săn đuổi trong những nhà thờ hợp môt, trong những lễ hội ở những căn nhà quý tộc, trong những rạp hát và những câu lạc bộ cùng *những thánh thất* khác - mà là những thiên thần ở bên ngoài vũ trụ khởi nguyên luận của chúng ta; chúng ta rất vui lòng giúp đỡ những người ngay thẳng và chịu chơi như thế mặc dù họ rất dơ dáy. (*Thư của Chon sư gửi cho A. P. Sinnett, Bức thư 43, nhận ở Allahabad tháng 2 năm 1882*).

Tôi đã không thể thu lượm được thông tin đáng tin cậy nào về cái bà được đề cập tới trong thư và tại sao P. Sreenivasarow lại đuổi bà ra khỏi Adyar.

Những chữ đầu tiên nhằm nói tới những người sau đây: Tookaram Tatya, Norendro Nath Sen, Gyanendra Nath Chakravarti, T. Vijayaraghava Charlu, P. Vencata Subbiah, (Pandit) Chandra Sekhara, C. W. Leadbeater, Dina Nath Ganguli, S. Nilakantkumar Chatterjee. Mặc dù tôi đã tìm hỏi và tìm kiếm nhiều, nhưng tôi không thể nhận diện được ai là ‘những người làm việc chân chính khác ở Á châu’ mà bức thư có đề cập tới.

Bức Thư 20

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar.

‘Bà H. đưa con tội nghiệp! Bà Laura C. Holloway, những thông điệp soi sáng nhất của Chon sư viết về bà Holloway có ở trong quyển *Thư của Chon sư gửi A. P. Sinnett*, Bức thư

^[2] Người hầu riêng, bồi phòng.

^[3] Chon sư K. H.

64, trang 354-359. Bức thư này được trích đăng một phần thành Bức thư 42 trang 86 của quyển sách này.

‘Ta cầu mong con sử dụng ảnh hưởng của con đối với bà . . . để cho bà xuất bản quyển sách trước năm 1885 . . . hiện nay bà không cần có sự giúp đỡ của Mohini’. Điều này nhắm nói tới quyển sách *Con người, các mảnh vụn của lịch sử đã bị lãng quên* do bà Holloway viết chung với Mohini M. Chatterjee.

Những thông điệp soi sáng nhiều nhất của Chơn sư viết về bà Holloway có trong quyển *Thư của Chơn sư gửi A. P. Sinnett*, Bức thư 64.

Bức Thư 21

Bức Thư này có ở trong quyển sách nhỏ *Một số kinh nghiệm ở Ấn độ* của W. T. Brown, cử nhân Luật, hội viên Hội Thông Thiên Học, Hội viên Chi bộ Luân đôn của Thông Thiên Học, ông đã xuất dương sang Ấn độ năm 1883. Ông đang có mặt cùng với Đại tá Olcott ở Lahore khi xảy ra diễn biến mà Bức thư 16 và 17 có đề cập tới. Vào lúc này Chơn sư K. H. phải từ Tây Tạng sang Ấn Độ, và ông Brown đã thấy ngài, mà ông đã tường thuật lại trong quyển sách nhỏ nêu trên.

Chơn sư K. H. sinh trưởng ở Kachmiri Brahmin và thuộc dòng Bà la môn. Lúc bấy giờ ông Brown và Đại tá Olcott đang ở Jammu thuộc Kashmir, với tư cách là khách của vị đại vương ở Kashmir; bức thư nhận được ‘bị niêm kín trong một phong bì do bà G. chuyển giao nhưng đã đến theo đường bưu điện từ nước Đức. Điều này rất có ý nghĩa vì theo ý tôi, nó chứng tỏ rằng Chơn sư có biết vai trò của bà G. – đã giúp tôi bước vào ánh sáng của Thông Thiên Học.’ Người phụ nữ được đề cập tới chính là bà Gebhard. Ông W. T. Brown – ‘ông Brown tội nghiệp’ – sau này rời Hội Thông Thiên Học và cuối cùng trở thành một tín đồ Công giáo La mã (Xem *Hồi ký Đại tá Olcott*, quyển 3, chương III và XXIII).

Bức Thư 22

Được ông W. T. Brown tiếp nhận vào ngày 17 tháng 12 năm 1883, theo lời tường thuật của ông trong quyển sách nhỏ của mình. Trích từ một bản sao mà học giả Pran Nath ở Gwalior có được. Nghe theo lời khuyên được nêu, ông Brown đã viết ra những kinh nghiệm của mình trong quyển sách nhỏ nêu trên.

Bức Thư 23

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar.

Bức Thư 24

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Người đệ tử nhận được bức thư này đang hoạch định một hành động rất khủng khiếp và phản bội một sự tin cậy thiêng liêng đến nỗi mà ngay cả óc tưởng tượng hoang dã nhất của chúng ta cũng không thể nghĩ ra nổi. Sau khi đã sao chép lại những phần trong bức thư đó mà tôi cho rằng có giá trị đối với những người nào đang phấn đấu bước trên ‘con đường hẹp’, thì tôi bèn hủy đi bức thư này; nó đã được người giám hộ của đệ tử đó trao lại cho tôi với lòng tin cậy nghiêm túc nhất. Đó là vì người ta phải nhớ rằng những người thất bại một cách tai hại trên con đường huyền bí học vẫn còn có con và cháu; và khi sử dụng tư liệu của những bức thư này người sao chép bị ràng buộc bởi một sự dè dặt nào đó vì ích lợi của những người con cháu đó. Bức thư này có ngày tháng vào khoảng cuối năm 1883.

Bức Thư 25

Được tiếp nhận ở Adyar tháng 12 năm 1883 do ông Hoàng Harisinghji Rupsinghji thuộc gia đình cai trị Bhavnagar. Được in lại trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* ‘phần Phụ lục’, số ra tháng 6 năm 1884, trang 87.

Bức Thư 26

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Nó được viết trên một mẫu giấy nhỏ và được kèm theo một bài gửi cho Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* lúc bấy giờ dưới quyền chỉ đạo của Damodar M. Mavalankar khi H. P. B. đi vắng. Bài được nêu trên có trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* ‘phần Phụ lục’ số tháng 2 năm 1884, trang 30. Đó là một bức thư của V. Coopooswamy Iyer, Cao học Khoa học Nhân văn, hội viên Hội Thông Thiên Học ở Madura, ông mô tả diễn biến về một bức thư được giao nhận như một phép lạ trước sự hiện diện của nhiều người. ‘Phát biểu của Subram’ nhằm nói tới bức thư của ngài Tiến sĩ S. Subramania Iyer, Cử nhân Luật, lúc bấy giờ ở Tòa Thượng Thẩm Vakil thuộc Madura; ông cũng mô tả một vài hiện tượng phép lạ xảy ra lúc có mặt ông.

Bức Thư 27

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Do Damodar M. Mavalankar tiếp nhận và có đánh dấu ở góc: nhận được vào lúc 5 giờ sáng ngày 27 tháng 2 năm 1884. D. K. M. rời Ấn Độ đi Tây Tạng vào tháng 4 năm 1885 (Xem *Hồi Ký Đại tá Olcott* quyển III, chương XVIII, trang 259 và tiếp theo). Bức thư được in lại trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 11 năm 1908, trang 173.

Bức Thư 28

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Bức thư này được Tiến sĩ F. Hartman tiếp nhận ở Adyar vào năm 1884 khi cả hai vị Sáng lập Hội đều đang ở Âu châu. ‘D’ rõ rệt là D. K. Mavalankar.

Bức Thư 29

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Tôi đã trình bày một hình chụp bức thư này trong Tập hai của *Thư của các Chơn sư Minh triết*. Nó được phóng hiện bằng mực xanh trên trang giấy bỏ trống cuối cùng của một bức thư viết trên giấy mỏng do ông Tookaram Tatya ở Bombay viết vào ngày mùng 5 tháng 6 năm 1886. Bức thư này được gấp làm ba. Ngoài những vấn đề khác ra, nó có chứa đoạn sau đây:

Tôi đã thường xuyên nghĩ tới huynh Damodar tội nghiệp. Ông đã rời bỏ chúng ta được gần một năm rồi và cho đến nay chúng ta không có tin tức xác thực nào về ông. Nếu bạn có được bất kỳ thông tin nào về ông thì xin làm ơn cho tôi biết.

Khi Đại tá Olcott nhận được thư của ông Tookaram Tatya gửi đến Adyar vào ngày mùng 7 tháng 6, Đại tá thấy bức thư này được phóng hiện trên trang giấy còn trống băng ngang qua nó. Bức thư được đề cập tới Damodar M. Mavalankar sau nhiều khó khăn và nhiều thiếu thốn ông đã băng ngang qua Tây Tạng tới nhà Chơn sư của mình.

Bức Thư 30 đến 41.

Hiển nhiên là những bức thư này được viết trước các bức thư từ số 4 đến 20, trong đó có nhắc tới bà Holloway.

C. Jinarajadasa có viết như sau:

Cô Mary K. Neff nổi tiếng vì thành tích phục vụ cho nhiều trường học khác nhau ở Ấn Độ và nhất là vì cô đã làm việc trong vòng 2 năm ở Tổng Hành Dinh Hội Thông Thiên Học tại Adyar, xếp theo mục lục mọi bức thư và mọi tài liệu có trong Văn khố của Hội. Bà đã đặc biệt dồn hết tâm trí vào lịch sử các phong trào của bà H. P. B. và đã xuất bản quyển *Hồi ký Riêng về H. P. Blavatsky*.

Trong một tạp chí tên là *Thế Giới* được xuất bản ở New York số ra tháng 5 và tháng 6 năm 1912, bà có tìm thấy những bài viết của bà Langford. Những bài viết này có chứa một vài giáo huấn mà bà Langford đã nhận được từ Chơn sư K. H. . . . Tôi công bố những bức thư này vì chứa đựng nhiều giáo huấn có giá trị dành cho tất cả những người nào đang chuẩn bị bước trên con đường đến với các Chơn sư.

Bức Thư 42 và 43

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Nó có dòng chữ viết tay của H. P. B. viết bằng bút chì xanh băng ngang qua bức thư: ‘Bức Thư gửi cho ông Hume đã bị trả lại cho tôi’. Ngày tháng của bức thư có lẽ là năm 1882, ‘M. . . nói huých toẹt’ nhằm nói tới những bức thư mà Chơn sư M. viết cho ông Sinnett và ông Hume. Những bức thư này của Chơn sư chưa được công bố, bộc lộ một nhân cách với lối hành văn bộc trực và sắc sảo, và thú vị nhất là rất ngây thơ.

Trên đây là chú thích của tôi được viết cho ấn bản đầu tiên năm 1919. Ngay sau năm 1895, khi một tình bạn đã bắt đầu nảy nở ra giữa Tiến sĩ A. Besant và ông A. P. Sinnett, thì ông đề cho bà sao chép lại theo ý muốn những bức thư mà ông đã nhận được của Chơn sư. Việc này được giao cho cô Edith Ward và một số bức thư (chứ không phải tất cả đã được sao chép). Những bản sao này đã có ở Adyar từ năm 1907 khi Tiến sĩ Besant định cư ở đây để làm Hội trưởng Hội Thông Thiên Học. Có nhiều dịp trong những buổi họp ở Adyar của Trường Bí Giáo, bà vừa đọc những bức thư này vừa bình luận. Từ đó trở đi, tôi đã xuất bản nhiều bức thư của Chơn sư M. trong Tập hai của bộ sách này vào năm 1925. Trước đó hai năm (1923), tất cả những bức thư mà ông Sinnett nhận được cũng được ông A. Trevor Barker công bố trong quyển *Thư của Chơn sư gửi cho A. P. Sinnett*.

‘M. . . không biết tiếng Anh’: điều này được viết vào năm 1882. So với *tư tưởng* của tư tưởng gia thì ngôn từ hiển nhiên là không cốt yếu đến nỗi mà trong những bức thư của Chơn sư M. tôi thấy có ít dấu vết những tư tưởng đặc dị riêng biệt của H. P. B. hoặc H. S. O. Một người khổng lồ có thể dùng cái búa làm đồ chơi của con nít, nhưng sức mạnh đằng sau cú đập là sức mạnh cánh tay của người khổng lồ chứ không phải sức mạnh của đứa con nít. H. P. B. có viết rằng những bức thư của Chơn sư M. được Chơn sư D. K. chuyển ngữ sang tiếng Anh, tự nhiên là rập theo khuôn khổ tư tưởng của người đầu tiên nghĩ ra nó.

Bức Thư 44

Những câu hỏi được nêu ra vào tháng 3 năm 1884 là của ông Navatamram Ootamram Trivedi ở Surat. Ông là một người làm việc dững cảm cho chính nghĩa của Thông Thiên Học mãi tới cuối cuộc đời vào năm 1907. T. Subba Row là một trong những đệ tử của Chơn sư M. và ông hợp tác với H. P. B. trong những quyển đầu tiên của Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*. Nhiều bài viết của ông đã được gom góp lại trong quyển *Tài liệu Bí truyền của T. Subba Row, Cử nhân Khoa học Nhân văn, Cử nhân Luật, hội viên Hội Thông Thiên Học* do Adyar xuất bản.

Bức Thư 45

Được in lại từ tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 11 năm 1907, trang 167. Bức thư này và bức thư sau được in trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* như thể chúng chỉ là một bức thư duy nhất; vì tôi thấy rằng dường như chúng được trích ra từ hai bức thư riêng biệt cho nên tôi đã tách chúng ra.

Bức Thư 46

Được in lại từ tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 11 năm 1907, trang 167. Câu viết: ‘và những vị còn cao cả hơn chúng tôi’ tham chiếu một câu trong bức thư của Đức Văn Minh Đại Đế tức là Bức thư 1.

Bức Thư 47

Trong những truyền thông nhận được từ các Chơn sư có nhiều giáo huấn được ban ra để bình luận về những Bức thư, những huấn lệnh này được viết ngay trên những Bức thư, đôi khi ở bất cứ chỗ trống nào có thể dùng được và đôi khi chen vào những chỗ đã viết rồi. Có nhiều chú thích bên lề như thế trong đó chú thích này và ba chú thích nêu sau là những ví dụ. Bức thư này do cô F. Arundale viết và lời bình luận của Chơn sư được viết trong khi thông quá ở bưu điện. Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar.

Bức Thư 48

Được sao chép lại từ nguyên bản ở Adyar. Thông điệp ngắn gọn này có trong một bức thư mà H. P. B. gửi vào ngày 17 tháng 7 năm 1883 từ Ootacamund, Đồi Nilgiri tới cho ông G. Soobiah Chetty ở Madras, trong đó bà gửi lời mời ông ghé thăm bà ở vùng đồi. Phần chính trong thư đề cập tới ông G. Muttuswamy Chetty, một Thẩm phán Tòa Tiểu Hình Madras và là cha của ông G. Soobiah Chetty. Ông Muttuswamy Chetty có nhận được một bức thư viết bằng tiếng Tamil của Chơn sư K. H. gửi qua đường bưu điện Amritsar, tôi biết rằng bản dịch của bức thư này là như sau: ‘tờ báo của Sinnett là cứu tinh duy nhất của nước Ấn Độ. Con phải làm việc xúc tiến nó. Koot Hoomi’. Khi nhận được bức thư này, ông Muttuswamy Chetty rần xoay sở trong đám bạn bè để huy động vốn cần thiết cho tờ báo *Phượng Hoàng* (Xem Bức thư 14). Tuy nhiên ông đã không thành công.

Bức Thư 49

Lời phát biểu ngắn gọn nhưng đáng chú ý này của Chơn sư M. xuất hiện trên tờ giấy trắng ở đầu sách của một ấn bản khổ lớn có minh họa quyền *Ánh sáng Á châu* hiện nay có ở Adyar vì được tặng cho bà H. P. B. Trên tờ giấy trắng đó có viết: ‘Mến tặng bạn H. P. Blavatsky, Gerard Brown Finch’. Ông Finch là Chi trưởng của Chi bộ Luân đôn thuộc Hội Thông Thiên Học vào năm 1884. Chẳng bao lâu sau đó ông đã bỏ cuộc.

Bức Thư 50

Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar. Nó được viết bằng ngang qua một bức thư có gấp lại mà bà H. P. B. viết ở Elberfeld ngày 23 tháng 6 năm 1886 gửi cho C. W. Leadbeater lúc bấy giờ đang ở Tích lan. Thông điệp của Chơn sư được phóng hiện khi thông quá. Bức thư của

H. P. B. gửi cho Leadbeater nói về một người đệ tử Ấn Độ của Chơn sư, ông S. Krishnamachāri vốn đã ở Đức với bà, nhưng rồi quay lại chống bà. Kể tiểu nh

ân đã thất bại nhằm nói tới người này, vậy là ông đã bỏ cuộc. Tôi xin trình bày một bản sao của bức thư của H. P. B. và thông điệp của Chơn sư gửi cho ông Leadbeater được phóng hiện bằng mực xanh bằng ngang qua bức thư trong quyển sách của tôi nhan đề *Những bức thư của Chơn sư K. H. gửi cho C. W. Leadbeater*.

Bức Thư 51

Đây là một bức thư sớm nhất mà một Chơn sư đã viết ra, nó được viết vào năm 1870, năm năm trước khi sáng lập ra *Hội Thông Thiên Học*. Nguyên bản bằng tiếng Pháp hiện có ở Adyar. Trong đó có chữ viết tay giờ đây ai cũng biết rõ của Chơn sư K. H. gửi cho dì của H. P. B. là bà Nadéjda Fedéef. Ngày 26 tháng 6 năm 1884 bà viết thư từ Paris cho Đại tá Olcott

có nhắc tới bức thư này và mô tả sự lo âu của những người thân của H. P. B. Họ đã không có tin tức của H. P. B. từ mấy năm nay. Bức thư được viết như sau:

Mọi sự tìm tòi của chúng tôi đều kết thúc mà chẳng tìm được gì. Chúng tôi sẵn lòng tin rằng bà đã chết, khi – tôi nghĩ rằng điều này xảy ra vào khoảng năm 1870 hoặc có thể là sau nữa – tôi nhận được một bức thư của Đấng mà tôi tin rằng ông gọi là Chon sư K. H. Bức thư này được mang đến cho tôi một cách huyền bí nhất không thể hiểu được do một sứ giả có dáng dấp Á Đông, rồi ông biến mất ngay trước mắt tôi. Bức thư này khuyên tôi đừng sợ gì hết và loan báo rằng H. P. B. vẫn an toàn – tôi vẫn còn giữ bức thư đó ở Odessa. Ngay khi trở về, tôi sẽ gửi bức thư đó cho ông và tôi sẽ rất hài lòng nếu nó có thể giúp ích được chút ít gì cho ông. (*Trích trong Báo cáo Kết quả Khảo cứu về những lời buộc tội bà Blavatsky, xuất bản năm 1885, trích từ trang 94*).

Bà Fadéef mười ngày sau đã viết thư cho Đại tá Olcott từ Odessa có kèm theo bức thư nguyên văn. Ở góc trái bên dưới của phong bì có dòng chữ viết tay tiếng Nga viết bằng bút chì của bà Fadéef như sau: ‘Nhận được ở Odessa ngày 7 tháng 11 có lẽ là từ Tây Tạng, có nhắc tới Lelinka – ngày 11 tháng 11 năm 1870. Nadéjda F. *Lelinka* là biệt hiệu của H. P. B. Bức thư của Chon sư có ký tên không phải bằng hai chữ đầu tiên của ngài là K. H. mà bằng một chữ thuộc ngôn ngữ nào đó tôi không biết. Xét theo những nhận định của Chon sư M. nơi một trong những bức thư của ngài; thì dường như chắc chắn rằng ngài chính là ‘vị sứ giả có dáng dấp Á Đông’ đã đưa thư (*Thư của Chon sư gửi cho A. P. Sinnett, Bức thư XXXIX*). Tôi đã có hình chụp của bức thư này trong Tập hai, *Thư của các Chon sư Minh triết*.

Bức Thư 52

Được sao chép từ nguyên bản ở Adyar.

Quyển sách ‘*Con Người, những mảnh vụn của lịch sử đã bị lãng quên*’ của hai đệ tử thuộc Hội Thông Thiên Học đã được xuất bản năm 1885 là của Mohini M. Chatterjee và Laura C. Holloway.

Tiến sĩ Cromwell mà Chon sư có trích dẫn có lẽ là Thomas Kitson Cromwell, Tiến sĩ chuyên khoa, tên tuổi của ông có ở trong quyển *Từ Điển Tiểu sử danh nhân quốc gia Anh*. Ông qua đời năm 1870. Ông có viết bài cho tờ *Tạp chí Nhà Quân tử* và *Nhật báo Nghị viện* cũng như là tác giả của một số tác phẩm Tiểu sử danh nhân.

Bức Thư 53

Nói cho đúng ra thì đây không phải là một Bức Thư; nó chỉ là một câu được rút ra từ một vài phát biểu của Chon sư M. mà H. P. B. có chép lại. Nó xuất hiện trong phần Huấn thị số III của bà dành cho Trường Bí Giáo.

Bức Thư 54

Trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 12 năm 1933, trang 310, có một hình chụp lại bức thư này. Nó xuất hiện ở cuối trang chót của một bức thư mà cô Emily Kislingbury viết cho Đại tá Olcott. Cô là thư ký của Hội Quốc gia Anh bao gồm các nhà Thần linh ở Luân đôn. Cô đi tới nước Mỹ vào dịp nghỉ lễ tháng 8 năm 1877. Cô đã gia nhập Hội Thông Thiên Học vào tháng 2 năm đó. Cô đã viết thư cho Đại tá Olcott từ thác Niagara để báo tin là cô tới New York và khi mở thư ra Đại tá thấy thông điệp này. Chon sư viết nó cũng chính là Chon sư viết Bức thư 24 Tập hai của bộ sách này. Ở cuối Bức thư 24, H. P. B. có viết bằng bút chì xanh dòng chữ: ‘Ông Già quân tử Narayan’, còn chữ ký là một chữ mà tôi không biết. Chữ viết tay của bức thư ở cuối thông điệp của cô Kislingbury cũng giống như vậy; mặc dù chữ ký (cũng lại bằng một thứ chữ mà tôi không biết) thì khác. Chon sư này là vị đã giúp H. P. B. rất thường xuyên khi bà viết quyển *Nữ thần Isis lộ diện* và rất thường mượn xác bà để viết sách và tiếp đón người khác. Ở Ấn Độ người ta biết ngài theo tên gọi cách đây hàng ngàn năm là

bậc thánh triết Agastya, ngài là một trong số ít Chơn sư ở trong những thế xác đã già. Năm 1885, ngài sống ở xa thị trấn Madras và C. W. Leadbeater có tường thuật ông và T. Subba Row đã đi xe lửa tới viếng thăm vị Chơn sư khả kính này như thế nào. Chơn sư chịu trách nhiệm về trọn cả nước Ấn Độ, trên cương vị là một nhà quản trị số phận huyền bí của nó, vì vậy một số người đã gọi ngài là Đấng Nhiếp chính Ấn Độ. Tôi không thể tìm thấy bức thư nguyên bản nằm ở đâu^[4], mặc dù có một lời của cô Kislingbury sau khi cô trở về Luân đôn được dán vào trong quyển tập nháp của H. P. B., quyển IV. Nó mô tả những hiện tượng phép lạ của H. P. B. và có nói về bà: ‘người quen biết của tôi’, tình bạn của tôi, một tình bạn mà tôi hi vọng rằng sẽ kéo dài suốt đời và mãi mãi với người mang tên là bà Blavatsky. ‘Tổng Hành Dinh’ hiển nhiên là nói tới văn phòng của Hội Thần linh. Cô Emily Kislingbury trung thành cho tới phút chót và thuộc một nhóm tụ tập quanh H. P. B. khi bà từ trần. Trong *Quyển Sách Vàng của Hội Thông Thiên Học* trang 25 có chụp lại bức ảnh mờ mờ của cô.

Các bức thư 55 và 56

Phần chép lại hai bức thư này được tìm ra vào năm 1931 trong quyển tập nháp của H. P. Blavatsky, quyển số VIII viết vào năm 1882. Trong quyển tập nháp này có dán một bài được cắt ra từ tờ báo *Chiếc Gương Ấn Độ* ở Calcutta, số ra ngày 2 tháng 5 năm 1882. Không có nói tới tên người nhận, vì vậy ta không thể nói những bức thư nguyên bản bây giờ ở đâu. Nhưng hai bức thư này được thể hiện thành một bài xã luận của tờ báo và Tổng Biên Tập của nó là một lãnh tụ ái quốc của Ấn Độ, Norendro Nath Sen, một hội viên tận tụy với Hội Thông Thiên Học. Khi cho in những bức thư này ông có phát biểu: ‘Tuy nhiên chúng tôi sẽ lợi dụng cơ hội này để ghi lại một số hiện tượng phép lạ nữa mà chúng tôi đã chứng kiến trong khi bà Blavatsky và Đại tá Olcott lưu lại Calcutta’.

Bức Thư 57

Người nhận có lẽ là Alkondavilli Govindāchāra; Dobbspet ở gần Bangalore. Ông là một học giả lỗi lạc về tiếng Tamil và viết rất nhiều sách. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là bản dịch *Chí Tôn Ca* sang tiếng Anh với phần bình luận của Srī Rāmānujāchārya.

Các bức thư 58 A và 58 B.

H. P. B. chỉ nhận được chừng 3, 4 bức thư vì tâm thức của bà có liên thức với tâm trí của Chơn sư M. lẫn với Chơn sư K. H. đến nỗi mà bà có thể ngay tức khắc dùng thần nhĩ nghe giọng nói của các ngài, không cần phải liên lạc bằng chữ viết, vì vậy tôi giả sử rằng trong trường hợp này Chơn sư K. H. phải viết một bức thư vì ngài muốn đặt trước bà ta một bản sao bức thư do Mabel Collins viết cho ông Harbottle.

Vào tháng 9 năm 1887, khi H. P. B. khai trương tờ tạp chí *Lucifer* của mình, bà Mabel Collins có liên kết với H. P. B. với vai trò là Phó Tổng Biên Tập ‘M. C.’, người chép quyển *Ánh Sáng Trên Đường Đạo*. M. C. là Mabel Collins, còn tên bà sau khi đã kết hôn là bà Keningale Cook. Bà là một nữ văn sĩ và tôi giả sử rằng bà có kinh nghiệm làm báo. Mãi cho tới số ra tháng 10 năm 1888, tên tuổi của H. P. B. và Mabel Collins đều xuất hiện trên trang bìa của tạp chí *Lucifer*. Rồi thì có sự gián đoạn, một trong những nguyên nhân chúng tôi có thể giả sử rằng có bản chất được nêu ra trong bức thư của bà M. C. gửi cho ông T. B. Harbottle mà Chơn sư K. H. có chép lại cho H. P. B. xem. Trong số báo ngày 15 tháng 10 năm 1888 của tạp chí *Lucifer*, người ta có nhét vào một mảnh giấy nhỏ nội dung như sau:

THÔNG BÁO CỦA BAN BIÊN TẬP

H. P. B. xin phép loan báo rằng vì đồng Biên Tập là Mabel Collins cứ bị đau nặng triền miên cho nên bà H. P. B. nhận trọn cả trách nhiệm biên tập Tạp chí này cho tới khi có thông báo khác.

^[4] Từ đó, người ta tìm thấy bức thư ở Adyar.

Cho tới ngày mất vào năm 1944 của ông Bertram Keightley (chú của Tiến sĩ Archibald Keightley mà cả hai bức thư đều có nhắc tới) tôi đã không công bố bức thư này, mặc dù nó đã có cùng với những bức thư khác ngay từ đầu.

Bức Thư 59

Bức Thư này có lẽ là bức thư nổi bật nhất trong mọi bức thư nhận được có chữ ký của Chơn sư K. H., vì nó được tiếp nhận *9 năm sau khi bà Blavatsky qua đời* vào năm 1891. Lời buộc tội chính bà đã giả mạo mọi bức thư phong phú của các Chơn sư thế là tan tành mây khói. Tôi đã chụp lại bức thư này đăng trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 5 năm 1937, nếu đem so sánh nó với hàng tá những bức thư có chữ ký của Chơn sư K. H. thì ta sẽ thấy rằng đó chính là chữ viết tay của Chơn sư K. H. Sau đây là lịch sử của bức thư này. Ngày 22 tháng 8 năm 1900, một ông B. W. Mantri nào đó có viết một bức thư cho Tiến sĩ A. Besant nội dung như sau:

Kalbadevi

Bombay ngày 22 tháng 8

Thưa phu nhân kính mến,

Từ lâu tôi mong ước được gặp bà, nhưng dù sao tôi cũng lấy làm bối rối do nhiều điều mà tôi nghe nhiều hội viên Thông Thiên Học nói lại đến nỗi tôi thật sự không hiểu những tín điều và những giáo điều của Hội thực sự là gì. Bà có khuyên tôi áp dụng một dạng Yoga và tôi xin gửi cho bà quyển 'Panch Ratna Gita' của Anandebai, bà ta rất tiên tiến về khoa học này. Tôi ước gì bà có thể gặp bà đó. Tôi đang đi tới Kholapoor nhưng hi vọng sẽ trở về ngay và xin cho tôi gửi lời kính cẩn tới bà khi bà trở về Ấn Độ.

Kính thư,

B. W. Mantri

Ông đã đề năm tháng trên bức thư này, nhưng chúng tôi có được điều đó từ dấu bưu điện trên phong bì bức thư gửi cho Tiến sĩ A. Besant đề địa chỉ là 28 phố Albemarle, Luân đôn, lúc bấy giờ là Tổng Hành Dinh của Hội Thông Thiên Học Anh quốc. Khi Tiến sĩ Besant mở bức thư của ông Mantri ra xem thì bà thấy lời bình luận của Chơn sư viết tay bằng mực xanh. Nếu người ta giả sử rằng chữ viết của Chơn sư K. H. là giả mạo thì điều ấy hàm ý một người nào đó quen với chữ viết của Chơn sư K. H. đã giả mạo *sau khi* ông Mantri đã gửi nó ở bưu điện Bombay và *trước khi* nó được bưu điện giao tới Luân đôn. Ở đây ta nên nhớ rằng trước khi tôi chụp lại chữ viết của Chơn sư K. H. trong quyển *Thư của các Chơn sư Minh triết* Tập hai, xuất bản năm 1925 và có một bức thư của Chơn sư được chụp lại trong quyển *Thư của Chơn sư gửi cho A. P. Sinnett* do Barker xuất bản năm 1923, thì theo như tôi biết những bản sao chụp ảnh khác chỉ duy nhất có trong quyển sách hiếm hoi của Hội Khảo cứu Tâm linh khảo cứu về những lời buộc tội H. P. B. giả mạo.

Phần trong bức thư mà tôi được bỏ đi có đề cập tới sinh hoạt huyền bí của Tiến sĩ Besant mà chỉ Chơn sư mới có thể biết được.

Bức Thư 60

Cũng như Bức thư 40, bức thư này cũng không phải là chữ viết tay của bất kỳ Chơn sư nào. Nó là chữ viết tay của H. P. B., được viết bằng *bút chì* trên tờ giấy mỏng dùng để viết thư. Hiện nhiên đó là một bản ghi nhớ những nhận xét của Chơn sư về tình hình Hội Thông Thiên Học vào năm 1888. Ông A. J. Cooper Oakley và bà Isabel Cooper Oakley đã xuất dương đi Ấn Độ vào năm 1884 cùng với H. P. B. và C. W. Leadbeater. Vào năm 1885, ông Oakley được bổ nhiệm làm một trong bốn vị Thư ký Lưu giữ Sổ sách của Hội Thông Thiên Học và ông tiếp tục làm theo khả năng đó cho tới năm 1887. Ông rời Adyar để trở thành Quản

thủ Thư viện của Viện Đại Học Madras (ông là một Thạc sĩ Khoa học Xã hội của Đại học Cambridge). Một thời gian sau đó người ta thấy ông nằm chết trên giường vào một buổi sáng, trung cầu giám định pháp y cho thấy nguyên nhân là dùng quá liều thuốc ngủ. C. W. Leadbeater có bảo tôi rằng chưa bao giờ ông gặp một người nào có hào quang ‘xám xịt’ dễ sợ như hào quang của ông Oakley Cooper, vì ông dường như suốt ngày đêm hoàn toàn đắm chìm vào con trầm cảm.

Bà Isabel Cooper Oakley trở về nước Anh vào năm 1885 khi bà thấy rằng sức khỏe của bà không chịu được khí hậu ở Ấn Độ, mặc dù sức khỏe kém bà vẫn làm việc cho Hội với lòng tận tụy không nao núng; ở Anh, ở Úc, Pháp, Ý và Hungar`i, và bà qua đời ở Hungari.

Nhận xét của Chơn sư K. H. có thể đã là một trong những lý do tại sao H. P. B. cứ khăng khăng đòi thành lập Trường Bí Giáo hoặc trong trường hợp Đại tá Olcott từ chối thì bà khăng khăng đòi tách một phần ra đặt dưới quyền điều khiển của bà ở Âu châu độc lập với Hội Thông Thiên Học khai sinh ra nó. May mắn thay, Bức thư 19 mà Đại tá Olcott nhận được trên tàu *Shannon* đã đề bệch sự chống đối của ông, và hai người bạn cũ lại tay bắt mặt mừng khai sinh ra Trường Bí Giáo.

‘Yakoob có mời ông’: Yakoob là một trong những đệ tử của Chơn sư, người ta thử ra sức huấn luyện Đại tá Olcott hoạt động trên cõi Trung giới trong lúc ngủ. Người ta đưa cho ứng viên một vài cuộc trắc nghiệm về tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Giả sử rằng Yakoob có mời H. S. O. bênh bồng trong thể vía bay qua biển, một hành động mà ta có thể thực hiện trong một lúc, miễn là ứng viên nhớ rằng y ở trong thể vía chứ không phải ở trong thể xác, vì vậy không thể rớt xuống biển được. Tuy nhiên, H. S. O. đã thất bại trong cuộc trắc nghiệm này và từ đó trở đi không thể ‘thức tỉnh’ trong cõi Trung giới để trở thành một người phò trợ vô hình.

HẾT